

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 674/NHNN-CS TT  
V/v kiểm soát hoạt động tín dụng  
năm 2012

*Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2012*

Kính gửi:

- Các tổ chức tín dụng
- Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Thực hiện các giải pháp về điều hành tín dụng năm 2012 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ và Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là các tổ chức tín dụng) như sau:

1. Xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm túc việc kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng trong suốt cả năm 2012 (bao gồm cả yếu tố điều chỉnh tỷ giá) trên cơ sở chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo cho từng tổ chức tín dụng. Dư nợ tín dụng bao gồm: Dư nợ cấp tín dụng theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 21/2010/TT-NHNN ngày 10/8/2010; số dư mua trái phiếu doanh nghiệp (trừ trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành), bao gồm số dư mua trái phiếu phát hành lần đầu và mua trên thị trường thứ cấp; dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng. Gửi báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012 trước ngày 29 tháng 02 năm 2012 theo biểu kèm theo công văn này.

Trên cơ sở kế hoạch tốc độ tăng trưởng tín dụng cả năm 2012, tổ chức tín dụng xây dựng và thực hiện tốc độ tăng trưởng tín dụng từng quý; giao kế hoạch tốc độ tăng trưởng tín dụng từng quý và cả năm 2012 cho các Chi nhánh (Sở giao dịch) của mình, đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi có Chi nhánh (Sở giao dịch) hoạt động để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động tín dụng trên địa bàn.

2. Thực hiện kiểm soát hoạt động tín dụng đối với các lĩnh vực không khuyến khích theo điểm 4.2 Chỉ thị số 01/CT-NHNN:

a) Các tổ chức tín dụng (trừ các công ty tài chính được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép chuyên ngành hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng) kiểm soát tỷ trọng dư nợ cho vay đối với các lĩnh vực không khuyến khích so với tổng dư nợ cho vay của tổ chức tín dụng trong suốt cả năm 2012 tối đa là 16%. Dư nợ cho vay đối với các lĩnh vực không khuyến khích bao gồm:

- Dự nợ cho vay để đầu tư và kinh doanh chứng khoán, trong đó loại trừ dự nợ cho vay đối với người lao động của công ty nhà nước để mua cổ phần phát hành lần đầu khi chuyển công ty nhà nước này thành công ty cổ phần.

- Dự nợ cho vay đối với nhu cầu vốn để phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (gọi là cho vay tiêu dùng), trong đó loại trừ dự nợ cho vay đối với nhu cầu vốn để xây dựng, sửa chữa nhà và mua nhà để ở mà nguồn trả nợ bằng tiền lương, tiền công của khách hàng vay.

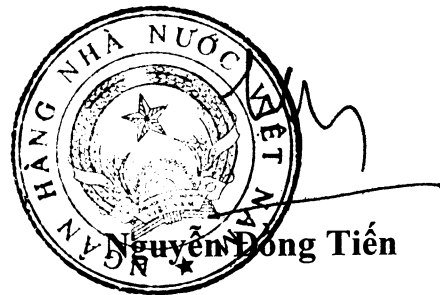
- Dự nợ cho vay đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản, trong đó loại trừ dự nợ cho vay đối với một số nhu cầu vốn: Xây dựng nhà để bán, cho thuê cho người thu nhập thấp, công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp nhưng không thu tiền thuê nhà hoặc thu tiền thuê với giá thuê không vượt quá mức giá cho thuê nhà ở do UBND cấp tỉnh ban hành mà chi phí xây dựng nhà ở hoặc chi phí tiền thuê nhà ở được tính là chi phí hợp lý trong giá thành sản xuất khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; xây dựng các công trình, dự án phát triển nhà ở sắp hoàn thiện và sẽ được bàn giao hoặc đưa vào sử dụng trong năm 2012 theo nội dung hợp đồng trong hoạt động xây dựng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng thuê tài sản.

b) Gửi báo cáo cho vay lĩnh vực đầu tư, kinh doanh chứng khoán, bất động sản, tiêu dùng và lĩnh vực không khuyến khích cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo theo 05 biểu kèm theo công văn này (thay thế các biểu báo cáo kèm theo công văn số 2956/NHNN-CSTT ngày 14 tháng 4 năm 2011 về việc kiểm soát hoạt động tín dụng năm 2011)./v

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ, Vụ Tín dụng, Vụ Pháp chế, Vụ Quản lý ngoại hối;
- NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố;
- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam;
- Lưu: VP, Vụ CSTT.

**KT. THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Tên TCTD:.....

## BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	
	Số dư (tỷ đồng)	Tốc độ tăng, giảm so với 31/12/2012 (%)
1. Vốn huy động từ tổ chức (trừ TCTD) và dân cư trong nước		
2. Vốn huy động từ nước ngoài		
3. Dư nợ tín dụng		
a) Dư nợ cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 14 Điều 4 Luật Các TCTD và Thông tư số 21/2010/TT-NHNN		
<i>Trong đó: Dư nợ cho vay</i>		
b) Số dư mua trái phiếu doanh nghiệp (trừ trái phiếu do TCTD phát hành) phát hành lần đầu và mua trên thị trường thứ cấp		
c) Dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng		
4. Tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực không khuyến khích so với tổng dư nợ cho vay đối với khách hàng (%)		

**Lập biểu**

(Ký, họ và tên, số điện thoại liên hệ)

....., ngày tháng năm

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

### Hướng dẫn lập báo cáo:

- Chỉ tiêu 2: Bao gồm tiền gửi của các tổ chức và người không cư trú, tiền gửi của các ngân hàng ở nước ngoài, vay ngân hàng nước ngoài
- Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở).
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04.38246953)
- Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất vào ngày 29/2/2012
- Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề chi tiết báo cáo
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38246955/04.38259158.

Tên tổ chức tín dụng:.....

**Biểu 01: BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY, CHIẾT KHẤU GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐỂ ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

Tháng.....năm.....

*Đơn vị tính: tỷ đồng, %*

Chỉ tiêu	Số dư (tỷ đồng)	Tốc độ tăng/giảm so với tháng trước (%)
<b>I. Dư nợ cho vay, chiết khấu</b>		
<b>1. Phân theo thời hạn cho vay, chiết khấu</b>		
- Ngắn hạn		
- Trung hạn		
- Dài hạn		
<b>2. Phân theo nhu cầu vốn cho vay, chiết khấu</b>		
- Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá đối với công ty chứng khoán		
- Cho vay cầm cố bằng chứng khoán và/ hoặc bảo đảm bằng tài sản khác đối với khách hàng sử dụng vốn vay để mua các loại chứng khoán		
- Cho vay ứng trước tiền đối với khách hàng đã bán chứng khoán và sử dụng vốn vay để mua chứng khoán		
- Cho vay đối với khách hàng để bổ sung số tiền thiếu khi lệnh mua chứng khoán được khớp		
- Cho vay đối với người lao động để mua cổ phần phát hành lần đầu khi chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần		
- Cho vay để góp vốn, mua cổ phần của công ty cổ phần, mua chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư		
- Chiết khấu giấy tờ có giá đối với khách hàng để sử dụng số tiền chiết khấu mua chứng khoán		
- Cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá dưới các hình thức khác mà khách hàng sử dụng số tiền đó để mua chứng khoán		
<b>II. Tỷ lệ nợ xấu cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán so với tổng dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán (%)</b>		
<b>III. Tỷ lệ dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán so với vốn điều lệ của TCTD (%)</b>		

....., Ngày.....tháng.....năm.....

**Lập biểu**

(Ký, họ và tên, số điện thoại liên hệ)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

1. Chỉ tiêu dư nợ mục I=(1)=(2)
2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng CSXH)
3. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04.38246953)
4. Thời gian gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo
5. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề chi tiết báo cáo
6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38259158/04.38246955

Tên tổ chức tín dụng: .....

**Biểu 02: BÁO CÁO CHO VAY ĐỐI VỚI LĨNH VỰC ĐẦU TƯ,  
KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

Tháng .....năm .....

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Số dư (tỷ đồng)	Tốc độ tăng/giảm so với tháng trước (%)
<b>I. Dư nợ cho vay đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản</b>		
<b>1. Phân theo thời hạn cho vay</b>		
- Ngắn hạn		
- Trung, dài hạn		
<b>2. Phân theo nhu cầu vốn cho vay (thống kê toàn bộ chi phí liên quan đến từng nhu cầu vốn vay, bao gồm: Đất đai, nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó; Các tài sản khác gắn liền với đất đai)</b>		
- Xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất		
- Xây dựng khu đô thị		
- Xây dựng văn phòng, cao ốc cho thuê		
- Xây dựng, sửa chữa và mua nhà để ở, nhà để ở kết hợp với cho thuê mà các khoản cho vay này khách hàng trả nợ bằng các nguồn thu nhập không phải là tiền lương, tiền công của khách hàng vay		
- Xây dựng, sửa chữa và mua nhà để bán, cho thuê		
- Mua quyền sử dụng đất		
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản khác (xây dựng khách sạn, nhà hàng để bán, cho thuê nhưng không bao gồm các nhu cầu vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất - kinh doanh)...		
<b>3. Phân theo địa bàn cho vay bất động sản (thống kê theo địa bàn có bất động sản)</b>		
- Hà Nội		
- Hải Phòng		
- Đà Nẵng		
- TP Hồ Chí Minh		
- Cần Thơ		
- Các địa phương khác		
<b>II. Tỷ lệ nợ xấu cho vay đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ cho vay đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản (%)</b>		
<b>III. Tỷ trọng dư nợ cho vay đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ cho vay của TCTD (%)</b>		

....., ngày .....tháng .....năm.....

**Lập biểu**

(Ký, họ và tên, số điện thoại liên hệ)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Số dư nợ tại mục I=(1)=(2)=(3)
- Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng CSXH)
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04.38246953)
- Thời gian gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo
- Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề chi tiết báo cáo
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38246955/04.38259158

Tên tổ chức tín dụng: .....

**Biểu 03: BÁO CÁO CHO VAY TIÊU DÙNG**

Tháng .....năm ...

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Số dư (tỷ đồng)	Tốc độ tăng/giảm so với tháng trước (%)
<b>1. Cho vay đối với các nhu cầu vốn để phục vụ đời sống:</b>		
- Cho vay để xây dựng, sửa chữa nhà và mua nhà để ở mà nguồn trả nợ bằng tiền lương, tiền công của khách hàng vay		
- Cho vay để mua phương tiện đi lại		
- Cho vay để chi phí học tập và chữa bệnh		
- Cho vay để mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình		
- Cho vay để chi phí cho hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch		
- Cho vay theo phương thức thấu chi tài khoản cá nhân		
<b>2. Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng</b>		
<b>3. Tổng dư nợ cho vay đối với các nhu cầu vốn để phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (3=1+2)</b>		
<b>4. Tỷ lệ nợ xấu cho vay đối với các nhu cầu vốn để phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng so với tổng dư nợ cho vay đối với các nhu cầu vốn để phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (%)</b>		

....., ngày .....tháng .....năm.....

**Lập biểu**

(Ký, họ và tên, số điện thoại liên hệ)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng CSXH)
2. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04.38246953)
3. Thời gian gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo
4. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề chi tiết báo cáo
5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38259158/04.38246955

Tên tổ chức tín dụng.....

**Biểu 04: BÁO CÁO DƯ NỢ CHO VAY CÁC NHU CẦU VỐN ĐƯỢC LOẠI TRỪ KHI KIỂM SOÁT TỶ TRỌNG DƯ NỢ CHO VAY LĨNH VỰC KHÔNG KHUYẾN KHÍCH**

Tháng....năm....

*ĐVT: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ
1	<b>Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán:</b>	
	Cho vay đối với người lao động của công ty nhà nước để mua cổ phần phát hành lần đầu khi chuyển công ty nhà nước này thành công ty cổ phần	
2	<b>Cho vay đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản:</b>	
2.1	Xây dựng nhà để bán, cho thuê cho người thu nhập thấp, công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế	
2.2	Xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp nhưng không thu tiền thuê nhà hoặc thu tiền thuê với giá thuê không vượt quá mức giá cho thuê nhà ở do UBND cấp tỉnh ban hành mà chi phí xây dựng nhà ở hoặc chi phí tiền thuê nhà ở được tính là chi phí hợp lý trong giá thành sản xuất khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	
2.3	Xây dựng các công trình, dự án phát triển nhà ở sắp hoàn thiện và sẽ được bàn giao hoặc đưa vào sử dụng trong năm 2012 theo nội dung hợp đồng trong hoạt động xây dựng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng thuê tài sản	
3	<b>Cho vay tiêu dùng:</b>	
	Cho vay đối với nhu cầu vốn để xây dựng, sửa chữa nhà và mua nhà để ở mà nguồn trả nợ bằng tiền lương, tiền công của khách hàng vay	

....., ngày .....tháng.....năm

**Lập biểu**

(Ký, họ và tên, số điện thoại liên hệ)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng CSXH)
2. Các nhu cầu vay vốn tại điểm 2.1 theo Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Các nhu cầu vay vốn tại điểm 2.2 theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ.
4. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04.38246953)
5. Thời gian gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo
6. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề chi tiết báo cáo
7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38246955/04.38259158

Tên tổ chức tín dụng:.....

**Biểu 05: BÁO CÁO TỶ TRỌNG DƯ NỢ CHO VAY LĨNH VỰC KHÔNG KHUYẾN KHÍCH**  
(Đã loại trừ dư nợ cho vay đối với một số nhu cầu vay vốn theo Biểu 04)

Tháng..... năm.....

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Số liệu
<b>1. Tổng dư nợ tín dụng (tỷ đồng)</b>	
<i>Trong đó: Tổng dư nợ cho vay đối với khách hàng</i>	
<b>2. Tổng dư nợ cho vay lĩnh vực không khuyến khích (tỷ đồng)</b>	
<i>Trong đó:</i>	
- Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán đã loại trừ các nhu cầu vốn được thống kê tại mục 1 Biểu 04	
- Cho vay để đầu tư, kinh doanh bất động sản đã loại trừ các nhu cầu vốn được thống kê tại mục 2 Biểu 04	
- Cho vay tiêu dùng đã loại trừ các nhu cầu vốn được thống kê tại mục 3 Biểu 04	
<b>3. Tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực không khuyến khích so với tổng dư nợ cho vay đối với khách hàng (%)</b>	

....., ngày tháng năm

**Lập biểu**

(Ký, họ và tên, số điện thoại liên hệ)

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng CSXH)
2. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04.38246953)
3. Thời gian gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo
4. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề chi tiết báo cáo
5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38246955/04.38259158